

Bản án số: 03/2024/DS-ST.

Ngày: 25 - 4 - 2024.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC - THANH HOÁ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tiến

Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Lệ Thuỷ – Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc - tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 39/2023/TLST- DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST - DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST – DS ngày 28/3/2024 đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Minh T - Sinh năm 1951

Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh T.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T1 – sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn 8, xã A, huyện V, tỉnh T.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 10 năm 2023, bản tự khai ngày 05 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hoàng Thị Minh T trình bày:

Ngày 14/3/2023, anh Nguyễn Quang T1 có vay bà Hoàng Thị Minh T 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), trong giấy vay nợ không ghi lãi suất nhưng hai bên có thoả thuận bằng lời nói với nhau lãi suất là 1.500đồng/triệu/ngày và anh T1 hẹn đến ngày 30/6/2023 sẽ trả cho bà T toàn bộ số tiền cả gốc và lãi. Đến hạn anh T1 không trả nợ cho bà T, bà T đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh T1 cứ khất lần không chịu trả.

Vì vậy, bà T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc xem xét giải quyết buộc anh T1 phải trả cho bà T số tiền nợ gốc đã vay là: 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*). Về tiền lãi: Anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ T toán nên đề nghị Tòa án buộc anh T1 phải có trách nhiệm trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc đã vay cho bà T tính từ ngày vay là ngày 14/3/2023 cho đến khi trả nợ xong theo mức lãi suất là 20%/năm.

Trong giấy vay nợ anh Nguyễn Quang T1 có viết: “Đề lại thẻ đảng viên mang tên Nguyễn Quang T1 vì điều kiện công tác tôi xin mượn lại. Hẹn đến ngày 30/6/2023 tôi xin trả lại thẻ đảng viên”. Quá trình giải quyết vụ án, bà T khẳng định, đến ngày 30/6/2023 anh T1 không mang thẻ đến để đưa cho bà và cũng không trả nợ cho bà. Hiện tại bà T không giữ bất cứ giấy tờ, tài sản gì của anh T1.

Bị đơn anh Nguyễn Quang T1 sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của anh T1.

Tại Biên bản xác minh ngày 09/01/2024, Công an xã A, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nơi anh Nguyễn Quang T1 đăng ký hộ khẩu thường trú cho biết: anh T1 có hộ khẩu thường trú tại thôn 8, xã A và lâu nay vẫn cư trú tại thôn 8, xã A, huyện Vĩnh Lộc.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/4/2024, bà Hoàng Thị Minh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về số tiền nợ gốc đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh T1 phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ gốc đã vay là 25.000.000 đồng. Về lãi suất: Bà T đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh T1 phải trả lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc đã vay với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Minh T buộc anh Nguyễn Quang T1 phải có trách nhiệm trả đầy đủ số tiền nợ gốc đã vay là 25.000.000 đồng. Tại hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ chứng minh trước khi yêu cầu trả nợ, bà T đã thông báo trước một thời gian hợp lý. Theo điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì “thời gian hợp lý” là không quá 03 tháng và đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp

lý” đến thời điểm xét xử sơ thẩm; nên cần lấy mức thời gian báo trước tối đa 03 tháng tính từ ngày 06/10/2023 là ngày anh T1 nhận được đơn khởi kiện của bà T để tính thời điểm anh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, buộc anh T1 phải trả cho bà T số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 07/01/2024 với mức lãi suất là 10%/năm.

- Về án phí: Anh Nguyễn Quang T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Do anh Nguyễn Quang T1 có vay nợ bà Hoàng Thị Minh T số tiền là 25.000.000 đồng. Anh T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện ra Tòa án yêu cầu anh T1 phải trả số tiền đã vay là 25.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh. Bị đơn anh Nguyễn Quang T1 trú tại: Thôn 8, xã A, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Quang T1 đến Tòa án để làm bản tự khai nhưng anh T1 không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không có lời khai của anh T1. Tòa án đã tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh T1 không đến Tòa án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt anh T1 và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T1 theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các bên đương sự là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh T1 không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và điều luật áp dụng: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[3] Về khoản nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Quang T1 không đến Tòa án làm việc cho dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, căn cứ vào giấy vay nợ đề ngày 14/3/2023 thể hiện anh Nguyễn Quang T1 có vay của bà Hoàng Thị Minh T số tiền là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng), trong giấy vay nợ không thể hiện lãi suất cũng như thời hạn trả nợ. Bà T cho rằng anh T1 hẹn đến ngày 30/6/2023 sẽ trả đủ cả gốc và lãi suất cho bà, nhưng bà T không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có thời hạn và không có lãi. Ngày 05/10/2023, bà T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T1 phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc anh Nguyễn Quang T1 phải có trách nhiệm trả cho bà Hoàng Thị Minh T số tiền nợ gốc đã vay là 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự.

[4] Về lãi suất: Giao dịch dân sự giữa bà T và anh T1 không có lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án bà T yêu cầu anh T1 phải trả lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định của pháp luật. Hợp đồng vay tiền ngày 14/3/2023, bà T không chứng minh được thời hạn vay đến ngày 30/6/2023 anh T1 phải trả nợ cho bà, quá trình giải quyết vụ án không lấy được lời khai của anh T1. Vì vậy, xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi nên bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý. Tại hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ chứng minh trước khi yêu cầu trả nợ, bà T đã thông báo trước một thời gian hợp lý. Theo điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì “thời gian hợp lý” là không quá 03 tháng và đối với hợp đồng vay không kỳ hạn thì thời gian chậm trả nợ gốc bắt đầu từ ngày tiếp theo liền kề của ngày hết “thời gian hợp lý” đến thời điểm xét xử sơ thẩm; nên cần lấy mức thời gian báo trước tối đa 03 tháng tính từ ngày 06/10/2023 là ngày anh T1 nhận được đơn khởi kiện của bà T để tính thời điểm anh T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, anh T1 phải trả cho bà T số tiền lãi phát sinh tạm tính từ ngày 07/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (25/4/2024) với mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

Từ ngày 07/01/2024 đến ngày 25/4/2023 là 03 tháng 18 ngày = 25.000.000 đồng x 0,833%/tháng x 03 tháng 18 ngày = 749.700 đồng (bảy trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm đồng).

Tổng cộng tiền gốc và lãi anh Nguyễn Quang T1 phải trả cho bà Hoàng Thị Minh T là: 25.000.000 đồng + 749.700 đồng = 25.749.700 đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

[5] Về các vấn đề khác: Trong giấy vay nợ anh Nguyễn Quang T1 có viết: “Đề lại thẻ đảng viên mang tên Nguyễn Quang T1 vì điều kiện công tác tôi xin mượn lại. Hẹn đến ngày 30/6/2023 tôi xin trả lại thẻ đảng viên”. Quá trình giải quyết vụ án, bà T khẳng định, đến ngày 30/6/2023 anh T1 không mang thẻ đến để đưa cho bà. Hiện tại bà T không giữ bất cứ giấy tờ, tài sản gì của anh T1. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 không đến Tòa án để làm việc nên chấp nhận lời khai của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Minh T được chấp nhận nên anh Nguyễn Quang T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ là 25.749.700 đồng $\times 5\% = 1.287.485$ đồng (làm tròn số = 1.287.500 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 210, Điều 220, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Điểm a khoản 3 Điều 6 của Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Minh T.

Buộc anh Nguyễn Quang T1 phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Hoàng Thị Minh T số tiền nợ gốc đã vay là 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 749.700 đồng (bảy trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi phải trả là: 25.749.700 đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nói trên thì phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tính từ ngày 26/4/2024, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Quang T1 phải nộp 1.287.500 đồng (một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hương Giang